

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-Bản án số: **84/2019/HS-ST**

-Ngày: 25.11.2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

** Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Tài**;

** Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đoàn Thanh Phong

2. Ông Nguyễn Văn Nam

** Thư ký phiên tòa:* bà **Lê Thị Linh** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:* ông **Dương Văn Nguyễn** Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 81/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN A, sinh năm 1977, tại Tiền Giang. Chứng minh nhân dân số: 311438450 do Công an Tiền Giang cấp ngày 15/10/2012. Sinh, trú quán: ấp M1, xã N1, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Giới tính: Nam. Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ văn hoá: 05/12. Con ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị Th. Anh, chị, em ruột gồm 05 người, bị cáo là con thứ ba trong gia đình. Vợ: Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1982. Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2007. Tiền sự: Không. Tiền án: Không. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:* **Nguyễn Thị Thanh B, sinh năm 1981** (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang

** Người làm chứng:* **Nguyễn Văn C, sinh năm 1983** (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 04/10/2019, chị Nguyễn Thị Thanh B có thuê Nguyễn Văn A đến để sửa điện. Trong lúc sửa điện, A phát hiện số tiền 50.540.000 đồng của chị B được cất trong 01 túi vải màu đỏ (gồm 100 tờ mệnh giá 500.000 đồng và 27 tờ mệnh giá 20.000 đồng) để trên la phòng phòng ngủ nên nảy sinh ý định trộm cắp. A lấy túi vải trên cất vào trong túi đựng đồ sửa điện rồi ra về. Khi về đến nhà, A lấy 27 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng đem giấu trong giẻ lau ở chân cửa trước nhà chính, 100 tờ 500.000 đồng A vẫn để trong túi xách và đem giấu ở nhà cũi phía sau nhà chính. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày thì chị B phát hiện bị mất số tiền trên và trình báo đến Cơ quan Công an. Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nhà ở của A và thu giữ số tiền trên.

Tại Cáo trạng số 87/CT-VKSCG ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang truy tố bị cáo Nguyễn Văn A về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện Chợ Gạo giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng; qua phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A mức án từ 02 năm đến 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về UBND xã N1, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận, bị cáo thống nhất với Cáo trạng, bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, về hình phạt. Bị cáo có lời nói sau cùng: bị cáo biết mình có hành vi vi phạm pháp luật vì muốn có tiền trả nợ nên bị cáo trộm cắp tài sản, bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ chồng đã ly thân, bị cáo có 02 con đang tuổi đi học, hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của UBND địa phương nên bị cáo xin được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cho các con bị cáo ăn học và để bị cáo làm lại cuộc đời.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, lời trình bày của bị cáo, bị hại, người làm chứng, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chợ Gạo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và

bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, cụ thể: khoảng 15 giờ ngày 04/10/2019, bị cáo đã có hành vi lấy trộm của chị Nguyễn Thị Thanh B số tiền 50.540.000 đồng bao gồm 100 tờ mệnh giá 500.000 đồng và 27 tờ mệnh giá 20.000 đồng. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó hành vi của bị cáo A đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Điều luật trên quy định: “2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm tù: c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.*”. Vì vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ hành vi: Hành vi phạm tội của bị cáo A là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự tại địa phương, gây bất bình cho quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, không bị khiếm khuyết về thể chất, tinh thần nhưng lại không biết tu chí làm ăn lương thiện. Để phục vụ mục đích của bản thân, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của bị hại, bị cáo đã lén lút lấy trộm số tiền 50.540.000 đồng của bị hại nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra và cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự để giáo dục bị cáo đồng thời phòng ngừa chung cho mọi người.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại cũng tha thiết xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, vợ chồng bị cáo đã ly thân nhau, bị cáo còn 02 con nhỏ đang đi học có xác nhận của UBND địa phương nên nghĩ không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội mà nghĩ cho bị cáo được hưởng án treo với sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng cải tạo đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, nhân thân:

+ Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có bồi thường cho bị hại chi phí đi lại trong thời gian qua với số tiền 500.000 đồng, hai bên đã giao nhận xong. Tại phiên tòa, bị hại cũng tha thiết xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo vì hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, vợ chồng bị cáo đã ly thân

nhau, bị cáo còn 02 con nhỏ đang đi học nên đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

+ Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ chồng đã ly thân, bị cáo có 02 con đang tuổi đi học, hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của UBND địa phương. Tại phiên tòa, bị cáo xin được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con ăn học nên Hội đồng xét xử có cân nhắc khi lượng hình phạt đối với bị cáo.

[5] Đồng phạm: Trong vụ án này không có đồng phạm

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi và bổ sung năm 2017 quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế gia đình còn khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về vật chứng: 01 cái túi vải màu đỏ-vàng, kích thước (17x11)cm, có dây khóa kéo, bên trong có 100 (một trăm) tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 27 (hai mươi bảy) tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng. Đây là các tài sản của bị hại B và đã được trả lại cho phía bị hại. Việc xử lý vật chứng là phù hợp quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Xét ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

+ Về tội danh, mức hình phạt, Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là tương xứng với hành vi, vai trò, nhân thân của bị cáo đã gây ra nên Hội đồng xét xử có xem xét, cân nhắc khi nghị án.

+ Về xử lý vật chứng Viện kiểm sát đề nghị là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1/ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi và bổ sung năm 2017

- Áp dụng Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo;

* **Xử phạt:** Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 02 (Hai) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án 25/11/2019.

Giao bị cáo Nguyễn Văn A về Ủy ban nhân dân xã N1, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

2/ Về án phí hình sự sơ thẩm: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

3/ Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* **Nội nhãn:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Cc. THADS huyện Chợ Gạo;
- Công an huyện Chợ Gạo;
- Bị cáo, bị hại,
- Lầu hoà sô, án văn.

(Đã ký)

Phạm Văn Tài